

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng  
Công trình: Nhà dân số truyền thông giáo dục sức khỏe  
Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH14 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn về kế hoạch đầu tư công năm 2021;*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 241/TĐ-KTHT ngày 09/9/2021 và Trung tâm y tế huyện tại Tờ trình số 623/TTr-TTYT ngày 19/08/2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Nhà dân số truyền thông GD sức khỏe - Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Nhà dân số truyền thông giáo dục sức khỏe - Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp IV.
- 3. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.
- 4. Chủ đầu tư:** Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn.
- 5. Đơn vị khảo sát, lập Báo cáo KT- KT:** Công ty CP tư vấn đầu tư XD và TM Đức Kiên JSC.
- 6. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.
- 7. Các giải pháp thiết kế chủ yếu**

### **7.1. Nhà dân số truyền thông giáo dục sức khỏe**

#### **a) Giải pháp kiến trúc:**

Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 7,43m x 18,0m; được bố trí gồm 1 phòng dân số, truyền thông, giáo dục sức khỏe (diện tích 82,8m<sup>2</sup>), 1 phòng trưng bày sản phẩm (diện tích 15,5m<sup>2</sup>); hành lang rộng 1,61m; chiều cao tầng là 3,75m; chiều cao mái là 1,55m; chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 5,3m; chiều cao từ cos sân hoàn thiện đến cos nền nhà là 0,45m.

Tường xây gạch không nung 2 lỗ (6,0x10,5x22)cm VXM M50#, trát trong và ngoài VXM M75# d=15; nền nhà lát gạch Ceramic 600x600. Bậc tam cấp xây bằng gạch không nung 2 lỗ (6,0x10,5x22)cm VXM M50#, mặt bậc lát đá Granit;

Cửa đi, cửa sổ cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường, kính trắng 5mm; hoa sắt cửa sổ thép vuông đặc 12x12 sơn hoàn thiện 3 nước. Mái xây tường thu hồi kết hợp vì kèo thép hộp 80x40x3mm; hệ xà gồ thép hộp 80x40x3mm; mái lợp tôn chống nóng, chống ồn lớp PU dày 18mm, tôn mạ dày 0,4mm màu xanh. Trần trong phòng bằng trần tôn lạnh, hệ dầm trần khung xương thép mạ; hành lang trần BTCT M200# đá 1x2 đổ tại chỗ.

Công trình được lặn sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ.

#### **b) Giải pháp kết cấu:**

- Phần móng: Móng cột hành lang BTCT M200# đá 1x2, móng dưới tường xây gạch không nung đặc vữa XM 75#, giằng móng BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ tiết diện giằng 220x300.

- Phần thân: Nhà kết cấu tường kết hợp cột hành lang BTCT, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ chịu lực. Tiết diện dầm điển hình 220x300mm; tiết diện cột điển hình 220x220mm. Sàn hành lang BTCT M200# đá 1x2 dày 10cm.

#### **c) Giải pháp điện:**

Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới điện của khu vực cấp cho công trình bằng dây Cu/XLPE/PVC 2x10mm<sup>2</sup>, dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x1,5mm<sup>2</sup> và Cu/PVC 2x4,0mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trên trần.

**7.2. Sân bê tông:** Phần sân xung quanh nhà (S= 46,83 m<sup>2</sup>): Lớp bê tông đá 4x6 vữa XM100 dày 10cm; bê tông nền đá 1x2 M200 dày 10cm.

(Chi tiết theo thiết kế do Công ty CP tư vấn đầu tư XD và TM Đức Kiên JSC lập)

### **8. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**

#### **8.1. Giá trị dự toán: 937.632.000đ.**

(Chín trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	779.840.000đ;
- Chi phí QLDA:	18.614.072đ;
- Chi phí TVĐTXD:	77.807.344đ;
- Chi phí khác:	16.721.751đ;
- Chi phí dự phòng 5%:	44.649.158đ;

(có phụ biểu chi tiết kèm theo)

**8.2. Nguồn vốn:** Vốn ngân sách huyện hỗ trợ kết hợp với nguồn vốn của đơn vị và các nguồn huy động hợp pháp khác.

**9. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án theo quy định.

**10. Thời gian thực hiện:** Năm 2021.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm y tế huyện; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**TỔNG HỢP KINH PHÍ**  
**CÔNG TRÌNH: NHÀ DÂN SỐ TRUYỀN THÔNG GIAO DỤC SỨC KHỎE**  
**TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN**

*ĐVT: VNĐ*

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	Gxd	<b>708.945.455</b>	<b>70.894.545</b>	<b>779.840.000</b>
1	Chi phí xây dựng		708.945.455	70.894.545	779.840.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	Gqlda	<b>18.614.072</b>		<b>18.614.072</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	Gtv	<b>70.733.949</b>	<b>7.073.395</b>	<b>77.807.344</b>
1	Đo vẽ hiện trạng		1.363.636	136.364	1.500.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		46.081.455	4.608.145	50.689.600
3	Chi phí giám sát thi công xây lắp		23.288.858	2.328.886	25.617.744
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	Gk	<b>15.864.487</b>	<b>857.264</b>	<b>16.721.751</b>
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		89.075		89.075
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu		4.657.772		4.657.772
3	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		2.545.002		2.545.002
4	Chi phí kiểm toán		8.572.638	857.264	9.429.902
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	Gdp	<b>40.707.898</b>	<b>3.941.260</b>	<b>44.649.158</b>
	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		40.707.898	3.941.260	44.649.158
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>854.865.861</b>	<b>82.766.464</b>	<b>937.632.325</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>				<b>937.632.000</b>
<i>(Chín trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng)</i>					